TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 157/2021/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA

Căn cứ Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 121/2021/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 02 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Ông L.H.H,** sinh năm 1938; Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: 41B ngõ Q, phố T, phường H, quận Đ, thành phố H.
- **Bà Đ.T.V,** sinh năm: 1950, HKTT và nơi cư trú: 192-B9 A, phường Y, quận T, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông L.H.H và bà Đ.T.V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hàng Bột, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội ngày 08/7/2003.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn đến năm 2005 đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính cách, không tìm được tiếng nói chung nên cuộc sống chung không hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, không thể hoà giải được. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2008 cho đến nay, mỗi người sống một nơi không còn quan tâm đến nhau. Nay ông H và bà V xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không thể, ông bà cùng đề nghị được Tòa án giải quyết thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông L.H.H và bà Đ.T.V không có con chung.

[3] Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Ông L.H.H và bà Đ.T.V không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

[4] Về nợ: Ông L.H.H và bà Đ.T.V không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, không yêu cầu tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Ông L.H.H và bà Đ.T.V đều là người cao tuổi nên được miễn lệ phí lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông L.H.H và bà Đ.T.V.

- Về con chung: Ông L.H.H và bà Đ.T.V không có con chung.

- Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Ông L.H.H và bà Đ.T.V không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ: Ông L.H.H và bà Đ.T.V không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông L.H.H và bà Đ.T.V được miễn lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Kiều My